

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2022/HC-PT

Ngày: 08-8-2022

V/v Khiếu kiện hành vi hành
chính không tổ chức hòa giải
tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng

Các Thẩm phán:

1. Ông Đào Hồng Cảnh

2. Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lệ Chiêu – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 08 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 10/HCPT ngày 17 tháng 6 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai” của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3818/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường 1, Quận N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Cao Minh T1, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: quận GV, Thành phố H.

Theo Hợp đồng ủy quyền được công chứng số 00003931, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2021 tại Văn phòng Công chứng TT.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B, Thành phố H.

Địa chỉ: phường TTT, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT: Ông Nguyễn Văn Tấn T3 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT (có mặt).

Địa chỉ: phường TTT, Quận B, Thành phố H.

Theo Giấy ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 20/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Văn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Minh T2 có ý kiến trình bày:

Nguyên phần đất có diện tích 27,7 m² (ngang 4m x dài 7m) thuộc một phần thửa đất số 64, tờ bản đồ số 43 (tài liệu năm 2003), phường TTT, Quận B (địa chỉ thửa đất tại 24N đường 11N, phường TTT, Quận B, Thành phố H) do ông Trần Văn T nhận chuyển nhượng từ bà Lương Thị Phước L. Phần đất này nằm trong khuôn viên đất 125 m² thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 43 có nguồn gốc do ông Lương Quang N và vợ là bà Nguyễn Thị H sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993. Trong khuôn viên đất 125 m² này có 92 m² đất được công nhận là đất ở (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 16808089 do Ủy ban nhân dân Quận B cấp ngày 10/3/2006 cho ông N, bà H); Đối với phần diện tích chưa được công nhận còn lại là 33 m² ông N và bà H khai phá, trực tiếp quản lý sử dụng từ trước năm 1993. Đến năm 2008, ông N và bà H tặng cho con gái là bà Lương Thị Phước L và bàn giao cho bà L quản lý sử dụng toàn bộ diện tích nêu trên (bao gồm cả phần diện tích đất chưa được công nhận). Bà L được đăng bộ sang tên vào ngày 27/5/2008. Ngày 29/10/2014, bà L chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Trần Văn T toàn bộ khuôn viên khu đất nêu trên (bao gồm 125 m²). Vợ chồng ông T được đăng bộ sang tên vào ngày 17/12/2014 đối với 92 m² đất ở và phần đất còn lại bà L chuyển nhượng cho ông T (có lập hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sở hữu nhà bằng giấy tay), ông T đã thanh toán xong tiền và bà L đã bàn giao cho ông T quản lý sử dụng cho đến nay.

Đến năm 2016, ông T được Ủy ban nhân dân Quận B và Ủy ban nhân dân phường TTT thông báo trong phần diện tích 33 m² chưa được cấp giấy chứng nhận nêu trên có 27,7 m² đất lấn của Tổng công ty MĐ II. Vì Tổng công ty MĐ II có Văn bản số 848/CV ngày 04/11/2005 gửi Ủy ban nhân dân Quận B yêu cầu giải quyết tranh chấp ranh giới đất vì cho rằng hộ ông N, bà H đã lấn chiếm phần đất có diện tích 27,7 m². Tuy nhiên từ năm 2005 đến nay cũng như từ khi ông T quản lý sử dụng hợp pháp cho đến nay chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết tranh chấp đất nêu trên cũng như không có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên cho bất kì ai.

Để có cơ sở về thủ tục khởi kiện ra Tòa án tranh chấp quyền sử dụng đất với Tổng công ty MĐ II, ngày 29/7/2020, ông T nộp đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai với Tổng công ty MĐ II tại Ủy ban nhân dân phường TTT. Tuy nhiên, đơn yêu cầu của ông không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT tổ chức hòa giải theo đúng quy định vì lý do: Đất đã có Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 389/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 2327/QĐ-CC ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B nên căn cứ Khoản 2 Điều 16 quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa giải.

Do vậy, ông Trần Văn T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân Quận B tuyên hành vi hành chính không tổ chức hòa giải tranh chấp đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT chấm dứt hành vi trái pháp luật và phải tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông với Tổng Công ty MĐ II.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Cao Minh T2 trình bày thêm: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II nên trên thực tế việc tranh chấp đất đai này ông T không thể khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với Tổng công ty MĐ II. Tòa án nhân dân Quận B đã có Thông báo số 49/2021/TB-TA ngày 11/6/2021 về việc trả lại đơn khởi kiện của ông Trần Văn T; Căn cứ Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; Điểm b Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa giải đã gây cản trở công dân thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc ông T yêu cầu hòa giải tranh chấp đất tại Ủy ban nhân dân phường là để thực hiện quyền khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất, tức là ông đã chọn Tòa án là cơ quan giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông và Tổng Công ty MĐ II. Tại Điều 2 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố thì phạm vi điều chỉnh của quyết định này chỉ áp dụng đối với tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước còn đối với tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của quyết định này.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B trình bày:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã quy định rằng: “*Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó*”.

Theo đó, Khoản 1 Điều 1 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố H.

Căn cứ quy định nêu trên, tại Khoản 2 Điều 16 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố *“Không được tổ chức hòa giải các tranh chấp đất đai phát sinh do hành vi vi phạm các quy tắc về quản lý nhà nước về đất đai mà theo quy định của pháp luật phải bị xử lý hành chính hoặc hình sự”*, theo đó, phần đất mà người khởi kiện yêu cầu hòa giải đã có Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 389/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B và Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 2327/QĐ-CC ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B. Nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa giải tranh chấp đất nêu trên là đúng quy định. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B chấm dứt hành vi và tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II theo quy định của pháp luật.”

Ngoài ra, bản án còn giải quyết các vấn đề về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC, theo đó đã kháng nghị toàn bộ bản án nói trên của Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa xác định vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 28/4/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, đề nghị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Trần Văn T.

Người khởi kiện là ông Trần Văn T có người đại diện theo ủy quyền là ông Cao Minh T2 xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Tấn Thành xác định không

kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện ông Trần Văn T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận của đương sự; Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa ông Trần Văn T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B là tranh chấp về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai” được quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B. Do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B có quyết định kháng nghị đối với bản án của Tòa án nhân dân Quận B nên Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình. Do đó, người khởi kiện xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/4/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B có Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HC ngày 28/4/2022 về việc kháng nghị toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân Quận B là còn trong hạn luật định nên chấp nhận để xem xét.

Về việc ủy quyền: Xét văn bản ủy quyền của đương sự là hợp lệ, đảm bảo hình thức và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 29/7/2020, ông Trần Văn T có đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai với Tổng Công ty MĐ II tại Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B nhưng không được tổ chức hòa giải.

Ngày 12/3/2021, ông T có đơn khởi kiện về hành vi không tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[4] Về nội dung kháng nghị, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hồ sơ vụ án cho thấy ngày 15/3/2021, ông Trần Văn T đã nộp đơn khởi kiện Tổng Công ty MĐ II đến Tòa án nhân dân Quận B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 27,7 m² thuộc một phần thửa số 64, tờ bản đồ số 43 (theo Tài liệu năm 2003), phường TTT, Quận B. Phần diện tích 27,7 m² nói trên chưa được nhà nước công nhận chủ quyền cho cá nhân hay tổ chức nào. Do đó, có cơ sở xác định tranh chấp giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II là tranh chấp đất đai được quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013 và việc ông T lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp đất đai là Tòa án nhân dân có thẩm quyền là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”*

Với quy định nói trên, thì điều kiện về hòa giải cơ sở tại Ủy ban nhân dân cấp xã là một điều kiện bắt buộc để khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền nên ông T trước khi thực hiện việc khởi kiện đã có đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân phường TTT là có căn cứ. Xét lý do từ chối tổ chức hòa giải cơ sở của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT thì thấy rằng:

- Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 389/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là quyết định về xử phạt vi phạm hành chính do cho rằng ông T có 02 hành vi vi phạm đó là hành vi lấn đất và hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng. Đối với hành vi tổ chức thi công xây dựng thì thấy rằng đây là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Khoản 2 Điều 16 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Đối với việc xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B do cho rằng ông T có hành vi lấn đất thì xét thấy: Phần đất có diện tích 27,7 m² chưa được nhà nước công nhận chủ quyền cho bất kỳ, tổ chức, cá nhân nào kể cả Tổng Công ty MĐ II hay ông Trần Văn T, chưa có bất kỳ quyết định hành chính nhà nước nào về việc giải quyết tranh chấp đất đai hay phán quyết của Tòa án có thẩm quyền đối với phần đất nói trên. Trên thực tế ông T còn đang tranh chấp quyền sử dụng với Tổng Công ty MĐ II tại Tòa án nhân dân Quận B. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B xử phạt ông T rồi viện dẫn Khoản 2 Điều 16

Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của UBND Thành phố để không tổ chức hòa giải tranh chấp là không có căn cứ.

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình. Luật Đất đai 2013 không quy định về các trường hợp không được hòa giải. Tuy nhiên tại Khoản 2 Điều 16 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố đã quy định về việc “*Không được tổ chức hòa giải các tranh chấp đất đai phát sinh do hành vi vi phạm các quy tắc về quản lý nhà nước về đất đai mà theo quy định của pháp luật phải bị xử lý hành chính hoặc hình sự.*” là có sự khác nhau giữa văn bản Luật và văn bản dưới Luật. Căn cứ Khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về nguyên tắc áp dụng pháp luật thì trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT căn cứ Khoản 2 Điều 16 Quyết định 06/2018/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 của UBND Thành phố để từ chối tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn yêu cầu của ông Trần Văn T là không có căn cứ. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT cần căn cứ vào Khoản 3 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 phải tổ chức hòa giải cơ sở theo đơn yêu cầu của ông Trần Văn T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi từ chối tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo đơn yêu cầu của ông Trần Văn T của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT là trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Quận B.

Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc tuyên hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT không tổ chức hòa

giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II là trái pháp luật. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT, Quận B chấm dứt hành vi và tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T và Tổng Công ty MĐ II theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TTT phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AC/2019/0042477 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. H;
- VKSND TP.H;
- Tòa án nhân dân Quận B;
- Chi cục THA Dân sự Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trương Thế Trọng